TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 74/2026/QĐST - DS	*Quảng Ninh, ngày 06 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Khánh - Bà Lê Thị Vân Hường

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án

Căn cứ các Điều 117, 280, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ: khoản 1, 2 Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng 2024; Điều 7, Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 209/2026/TLST- DS ngày 10 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S1 - S2).

Địa chỉ trụ sở: 266 – B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Công M – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: số F đường L, phường H, tỉnh Quảng Ninh (Theo văn bản uỷ quyền số 80.2026.GUQ.CNQN ngày 11/6/2026).

- *Bị đơn:* ông Đặng Đức M1, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: tổ A, khu G, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi làm việc: Công ty CP T, P12B01 Trung tâm thương mại H1, A L, phường H, Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả nợ: tính đến ngày 06/7/2026, bị đơn ông Đặng Đức M1 phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S1 – S2) theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng Cá nhân số 2875416 ngày 25/08/2023, tổng số tiền là 312.510.833 đồng (Ba trăm mười hai triệu năm trăm mười nghìn tám trăm ba mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc: 191.966.453 đồng (Một trăm chín mươi mốt triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng); nợ lãi: 120.544.380 đồng (Một trăm hai mươi triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi đồng).

Về phương án trả nợ: chậm nhất đến ngày 01/8/2026, ông Đặng Đức M1 phải trả toàn bộ số tiền nợ tính đến hết ngày 06/7/2026 là: 312.510.833 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười hai triệu năm trăm mười nghìn tám trăm ba mươi ba đồng) cho Ngân hàng TMCP S

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/7/2026) cho đến khi thi hành án xong, ông Đặng Đức M1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng Cá nhân số 2875416 ngày 25/08/2023 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Đặng Đức M1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S1 – S2) theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về án phí: ông Đặng Đức M1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 15.625.542 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S1 – S2) số tiền tạm ứng án phí 7.223.000 đồng (Bảy triệu hai trăm hai mươ ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001430 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự; người đại diện theo UQ
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- THA Dân sự tỉnh Quảng Ninh;
Phòng THA khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh
- Lưu hồ sơ vụ án; VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thu